

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Chủ đầu tư: Bệnh viện phổi Phạm Hữu Chí
- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm hàng hóa chi trả phụ cấp độc hại hiện vật năm 2025
- Tên gói thầu: Gói 1: Mua sắm hàng hóa chi trả phụ cấp độc hại hiện vật năm 2025
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Mua vật tư, hoá chất phục vụ thực hiện Hợp phần mã số TĐHGBH.01/23-25
- Giá gói thầu: **297.511.500 VND**
- Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, đấu thầu qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày
- Tùy chọn mua thêm: tối đa 30%

##### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

###### **1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung**

- Hàng hóa mới 100% được phép lưu hành theo quy định pháp luật hiện hành, có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.
- Nhà thầu có thể chào quy cách đóng gói khác với yêu cầu của E-HSMT nhưng đảm bảo tổng khối lượng đóng gói lớn hơn hoặc bằng quy cách đóng gói yêu cầu.
- Hàng hóa đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật tại Mục 1.2, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật, phù hợp, tương thích, vận hành được trên các thiết bị hiện có đang sử dụng và yêu cầu chuyên môn của Chủ đầu tư.

###### **1.2.3. Yêu cầu về kỹ thuật:**

- E-HSMT có Bảng so sánh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thể hiện cụ thể các thông số kỹ thuật và các thông tin của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu kỹ thuật và tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa có thể là: hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, catalogue, tài liệu kỹ thuật chứng nhận về đặc tính, thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng... thể hiện cụ thể, chi tiết các thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật sau đây:

STT	Danh mục hàng hóa	<b>Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn</b> (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)
1	Đường kính trắng	Quy cách: $\geq 1\text{kg}$ . Thành phần tối thiểu: Đường mía, loại đường cát trắng. Hoặc tương đương. HSD: $\geq 03$ tháng kể từ thời điểm giao hàng.
2	Sữa đặc (Kem đặc có đường)	Quy cách: Hộp $\geq 380\text{g}$ Thành phần tối thiểu: Đường, nước, dầu thực vật, sữa bột, whey bột. Hoặc tương đương. HSD: $\geq 03$ tháng kể từ thời điểm giao hàng.
3	Sữa chua có đường	Quy cách đóng gói: lốc $\geq 4$ hộp hoặc tương đương. Trọng lượng: $\geq 100\text{g}/\text{hộp}$ . Thành phần tối thiểu: Sữa, đường, dầu thực vật, gelatin thực phẩm, chất ổn định. Hoặc tương đương. Không chất bảo quản. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 6-8 độ C. HSD: $\geq 02$ tuần kể từ thời điểm giao hàng.
4	Thức uống lúa mạch	Quy cách đóng gói: lốc $\geq 4$ hộp hoặc tương đương. Dung tích: $\geq 180\text{ ml}/\text{hộp}$ hoặc tương đương. Thành phần tối thiểu: Nước, sữa bột tách kem, PROTOMALT 2,8% (chiết xuất từ mầm lúa mạch), đường, chất xơ từ bắp, chất béo sữa, dầu thực vật, bột cacao, bột whey từ sữa, các khoáng chất (dicalci phosphat, magnesi carbonat, sắt pyrophosphat), hương tự nhiên dùng cho thực phẩm, các vitamin (B3, D, B6, B2), chất nhũ hóa 322(i) - chiết xuất từ đậu nành, chất ổn định 407, chất tạo ngọt tự nhiên steviol glycosides hoặc tương đương. HSD: $\geq 03$ tháng kể từ thời điểm giao hàng.
5	Sữa tươi nguyên chất	Quy cách đóng gói: lốc $\geq 4$ hộp hoặc tương đương. Dung tích: $\geq 180\text{ ml}/\text{hộp}$ hoặc tương đương. Thành phần tối thiểu: Sữa hoàn toàn từ sữa bò hoặc tương đương. HSD: $\geq 03$ tháng kể từ thời điểm giao hàng.
6	Sữa tươi có đường	Quy cách đóng gói: lốc 4 hộp hoặc tương đương. Dung tích: 180 ml/hộp hoặc tương đương.

		Thành phần tối thiểu: Sữa, đường, chất ổn định (471, 460(i), 407, 466), vitamin hoặc tương đương. HSD: $\geq$ 03 tháng kể từ thời điểm giao hàng.
7	Sữa chua uống	Quy cách đóng gói: lốc $\geq$ 4 hộp hoặc tương đương. Dung tích: 65 ml/hộp hoặc tương đương. Thành phần tối thiểu: Nước, đường tinh luyện, sữa bột, xirô fructo, chất ổn định, hương liệu tổng hợp, men sống <i>Lactobacillus paracasei</i> LCASEI 431, vitamin D3 hoặc tương đương. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 6-8 độ C.
8	Sữa tươi ít đường	Quy cách đóng gói: lốc $\geq$ 4 hộp hoặc tương đương. Dung tích: $\geq$ 180 ml/hộp hoặc tương đương. Thành phần tối thiểu: Sữa, đường, chất ổn định (471, 460(i), 407, 466), vitamin hoặc tương đương. Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát. HSD: $\geq$ 03 tháng kể từ thời điểm giao hàng.

**\* Ghi chú:**

- Tên hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật, quy cách chỉ mang tính tham khảo, nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn.

- Yêu cầu thông số kỹ thuật trên là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu, nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp của nhà thầu nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt" hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu.

Nội hàm "tương đương" được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ
- (3) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- (4) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (5) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (6) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- (7) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo

(8) *Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất*

(9) *Các yếu tố tương đương khác*

*Nhà thầu có thể chào hàng hóa được nêu trên hoặc loại hàng hóa khác nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt so với hàng hóa được nêu trên. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh.*

### **1.3. Các yêu cầu khác: Không**

**Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ**

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa trước khi bàn giao được tiến hành tại địa điểm bàn giao hàng hóa.

- Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

- Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định.

- Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra giám sát, tối thiểu theo các nội dung sau:

+ Kiểm tra tính hợp lệ của hàng hóa ( thành phần, năm sản xuất, hạn sử dụng và các tài liệu liên quan...).

+ Kiểm tra tình trạng vận chuyển, đóng gói nguyên vẹn, đồng bộ của hàng hóa tại địa điểm giao hàng. Nếu phát hiện hư hỏng thì lập biên bản hiện trường báo cáo chủ đầu tư.

+ Kiểm tra chất lượng và số lượng hàng hóa trước khi bàn giao